

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 12 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 536/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp LT, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp LTr, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Q chung sống với chị L vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân ly hôn là do quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mặc dù gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ, anh chị đã ly thân hai năm. Nay anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Đình V1, sinh ngày 15/12/2004 và Phạm Thị Thảo V2, sinh ngày 29/9/2013. Anh Q yêu cầu nguyện vọng con ở

với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con ở với chị L anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Thảo V2 745.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 24/12/2020. Đối với cháu Đình V1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án chị Đình Thị Mỹ L trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống, không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như anh Quân trình bày là đúng. Chị L xác định không thể tiếp tục chung sống vì tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị L thống nhất theo yêu cầu của anh Q.

- Về tài sản chung: Chị L đồng ý tự thỏa thuận với anh Q không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn Quân và chị Đình Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Q và chị L chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi và cuộc sống không hòa hợp, anh chị đã ly thân hai năm, nay tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên anh Q yêu cầu được ly hôn, chị L đồng ý.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh chị đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Đình V1 và cháu Phạm Thị Thảo V2 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ, điều này phù hợp với yêu cầu của anh Q và chị L, đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Q và chị L thống nhất thỏa thuận anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Thảo V2 số tiền 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng

hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 24/12/2020 đến khi cháu Thảo V2 đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đình V1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, đúng quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn Q và chị Đình Thị Mỹ L.

1.2. Về con chung: Giao Phạm Đình V1, sinh ngày 15/12/2004 và Phạm Thị Thảo V1, sinh ngày 29/9/2013 cho chị Đình Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thảo V2 số tiền 745.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 24/12/2020 đến khi cháu Thảo V2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Phạm Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Phạm Văn Q phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011561 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh Q đã nộp xong).

2.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Q phải chịu 150.000 đồng (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trúc